



Bảng dữ liệu an toàn

Bản sửa đổi SDS 1.0

Ngày: 02/01/2024

HM-170

1. HÓA CHẤT VÀ NHẬN DẠNG CÔNG TY

Tên hóa học: HM-170
Tên khác:
Khuyến nghị và hạn chế sử dụng: Xem Bảng dữ liệu kỹ thuật.
Tên, địa chỉ và số điện thoại của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu hoặc nhà cung cấp: NANPAO MATERIALS VIETNAM CO., LTD. Lô A4, A5, A10, A11, Đường Đại Đăng 3, Khu Công Nghiệp Đại Đăng, Phường Phú Tân, Thành Phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810
Số điện thoại/số fax liên lạc khẩn cấp: +84-274-3815811-13 / +84-274-3815810

2. NHẬN DẠNG NGUY HIỂM

Phân loại chất hoặc hỗn hợp
Nội dung nhãn: Phân loại mối nguy hiểm trong GHS Biểu tượng: Không có tuyên bố phản hồi của GHS
Từ tín hiệu: Không áp dụng
Tuyên bố nguy hiểm: Không có tuyên bố phản hồi của GHS
Các tuyên bố phòng ngừa: [Phòng ngừa]: Không có tuyên bố phòng ngừa GHS [Phản ứng]: Không có tuyên bố phản hồi của GHS [Kho]: Không có báo cáo lưu trữ GHS [Thải bỏ]: Không có tuyên bố xử lý GHS
Các mối nguy hiểm khác: Sản phẩm này không chứa hóa chất PBT/vPvB.

3. THÔNG TIN NHẬN DẠNG THÀNH PHẦN

HỖN HỢP:

Sản phẩm này có chứa các chất sau đây có thể gây nguy hiểm theo quy định của Đài Loan.

Tính chất hóa học:  
Không có thành phần nào trong sản phẩm này được phân loại là nguy hiểm và/hoặc không có thành phần nguy hiểm nào vượt quá tỷ lệ phần trăm theo tiêu chuẩn GHS.

Các thành phần không nguy hiểm

Chỉ định thành phần/hóa chất	Cân nặng %	Phân loại GHS
Nhựa polyester Số CAS: 63149-79-1	99%	Không được phân loại
Chất chống oxy hóa Số CAS: 6683-19-8	1%	Không được phân loại

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU

Các biện pháp sơ cứu cho các đường tiếp xúc khác nhau:
<p>Tổng quan :</p> <p>Trong mọi trường hợp nghi ngờ hoặc khi các triệu chứng vẫn tiếp diễn, hãy tìm kiếm sự chăm sóc y tế.</p> <p>Không bao giờ đưa bất cứ thứ gì vào miệng người đang bất tỉnh.</p>
<p>Hít vào:</p> <p>Đưa nạn nhân ra nơi thoáng khí, giữ ấm và nghỉ ngơi. Nếu thở không đều hoặc ngừng thở, hãy hô hấp nhân tạo. Nếu bất tỉnh, hãy đặt nạn nhân ở tư thế hồi sức và tìm kiếm sự chăm sóc y tế ngay lập tức. Không cho nạn nhân ăn uống gì.</p>
<p>Tiếp xúc với da:</p> <p>Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng xà phòng và nước hoặc sử dụng dung dịch rửa da chuyên dụng. chất tẩy rửa.</p>
<p>Giao tiếp bằng mắt:</p> <p>Rửa nhiều bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút, giữ mí mắt tách ra và đi khám bác sĩ chú ý.</p>
<p>Tiêu hóa:</p> <p>Nếu nuốt phải, hãy đến cơ sở y tế ngay lập tức. Giữ cơ thể nghỉ ngơi. KHÔNG gây nôn.</p>
<p>Các triệu chứng quan trọng nhất và tác động nguy hiểm:</p> <p>Tổng quan :</p> <p>Không có dữ liệu cụ thể về triệu chứng.</p> <p>Không có độc tính lâu dài nào được biết đến.</p> <p>Tiếp xúc với da:</p> <p>Không có thông tin có sẵn</p>
<p>Sự bảo vệ của người sơ cứu:</p> <p>Đeo thiết bị bảo hộ loại C và ở trong khu vực an toàn để thực hiện sơ cứu.</p>

Lưu ý cho bác sĩ:  
Điều trị theo triệu chứng.

5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

Phương tiện chữa cháy phù hợp: Phương tiện chữa cháy được khuyến nghị; bột chống cồn, CO2, bột, bình xịt nước.
Trong quá trình chữa cháy có thể gặp phải những mối nguy hiểm đặc biệt: Phân hủy nguy hiểm: Cacbon Dioxide, Cacbon Monoxide
Phương pháp chữa cháy đặc biệt: Không có thông tin nào có sẵn.
Thiết bị và biện pháp bảo vệ đặc biệt cho lính cứu hỏa: Như với tất cả các đám cháy khác, hãy đeo bình thở áp suất dương (SCBA) với mặt nạ kín và quần áo bảo hộ. Những người không có thiết bị bảo vệ hô hấp nên rời khỏi khu vực. Đeo bình thở áp suất dương (SCBA) trong quá trình dọn dẹp ngay sau đám cháy. Cấm hút thuốc.

6. BIỆN PHÁP PHÁT HÀNH TAI NẠN

Biện pháp phòng ngừa cá nhân: Đeo thiết bị bảo hộ cá nhân phù hợp (xem phần 8). Thực hiện vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi sử dụng lại.
Các biện pháp phòng ngừa về môi trường: Không để chất lỏng tràn vào cống rãnh hoặc đường thủy.
Phương pháp làm sạch: Thông gió khu vực và tránh hít phải hơi hóa chất. Thực hiện các biện pháp bảo hộ cá nhân được liệt kê trong mục 8. Chứa và hấp thụ chất lỏng tràn bằng vật liệu không cháy như cát, đất và vermiculite. Đổ vào thùng chứa kín bên ngoài tòa nhà và xử lý theo Quy định về Chất thải. (Xem mục 13) Cách tốt nhất là vệ sinh bằng chất tẩy rửa. Không sử dụng dung môi. Không để chất lỏng rò rỉ chảy vào ống thoát nước hoặc sông ngòi. Vui lòng thông báo ngay cho công ty cấp nước địa phương nếu đường ống thoát nước, cống rãnh, suối hoặc hồ bị ô nhiễm. Cũng nên thông báo cho Cơ quan Bảo vệ Môi trường nếu suối hoặc hồ bị ô nhiễm.

7. BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ AN TOÀN

Xử lý: Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Phòng ngừa]:
Kho : Xử lý thùng chứa cẩn thận để tránh hư hỏng và đổ tràn. Vật liệu không tương thích: Không có dữ liệu. Xem phần 2 để biết thêm chi tiết. - [Lưu trữ]:

8. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT TIẾP XÚC

Kiểm soát kỹ thuật:

Đảm bảo thông gió đầy đủ. Nếu có thể, nên thực hiện bằng cách sử dụng hệ thống thông gió hút cục bộ và hệ thống hút bụi tổng thể tốt. Nếu các biện pháp này không đủ để duy trì nồng độ các hạt và hơi dưới ngưỡng phơi nhiễm nghề nghiệp, cần phải đeo thiết bị bảo hộ hô hấp phù hợp.

Không có thành phần nào trong sản phẩm này được phân loại là nguy hiểm và/hoặc không có thành phần nguy hiểm nào vượt quá tỷ lệ phần trăm theo tiêu chuẩn GHS.

Thiết bị bảo vệ cá nhân:

Bảo vệ hô hấp: Nếu công nhân tiếp xúc với nồng độ vượt quá giới hạn phơi nhiễm, họ phải sử dụng mặt nạ phòng độc được chứng nhận phù hợp.

Bảo vệ tay: Nên sử dụng găng tay bảo hộ.

Bảo vệ mắt: Khuyến nghị sử dụng kính bảo hộ an toàn

Bảo vệ da và cơ thể: Tránh tiếp xúc với da.

Biện pháp vệ sinh: Thực hiện các biện pháp vệ sinh cá nhân tốt. Rửa tay trước khi ăn, uống, hút thuốc hoặc đi vệ sinh. Cởi bỏ quần áo bẩn ngay lập tức và giặt sạch trước khi mặc lại.

9. TÍNH CHẤT VẬT LÝ VÀ HÓA HỌC

Ngoại hình (trạng thái, màu sắc, v.v.): Chất rắn màu trắng sữa	Mùi :
Ngưỡng mùi: Không có thông tin có sẵn	Điểm làm mềm: 175-185°C
Giá trị pH: Không có thông tin có sẵn	Điểm sôi / Khoảng sôi: Không có thông tin có sẵn
Tính dễ cháy (rắn, lỏng): Không có thông tin có sẵn	Điểm bùng phát: Phương pháp thử (Mở cốc hoặc Đóng cốc): °F °C, Phương pháp thử: (Mở/Đóng cốc)
Nhiệt độ phân hủy: Không có thông tin có sẵn	Giới hạn nổ: Không có thông tin có sẵn
Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có thông tin có sẵn	Mật độ hơi: Không có thông tin có sẵn
Áp suất hơi: Không có thông tin có sẵn	Độ hòa tan: 20°C không tan trong nước
Tỉ trọng : 0,97-1,02 g/cm3 (25°C)	Tốc độ bay hơi: Không có thông tin có sẵn
Hệ số phân chia octanol-nước: Không có thông tin có sẵn	Tính chất nổ: Không có thông tin có sẵn

Độ nhớt: 4000-6000 mPa.s (220 C)	Tính chất oxy hóa: Không có thông tin có sẵn
Ngưỡng mùi (Phát hiện): Không có thông tin có sẵn	Ngưỡng mùi (Giác quan): Không có thông tin có sẵn

10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG

Khả năng phản ứng: Không xảy ra phản ứng trùng hợp nguy hiểm.
Độ ổn định hóa học: Ổn định trong điều kiện bình thường.
Các phản ứng nguy hiểm có thể xảy ra trong những điều kiện cụ thể: Không có thông tin có sẵn
Các điều kiện cần tránh: Tránh nhiệt độ vượt quá điểm bắt lửa. Tiếp xúc với vật liệu không tương thích.
Vật liệu cần tránh: Không có dữ liệu nào có sẵn.
Sản phẩm phân hủy nguy hiểm: Carbon điôxit, Carbon monoxit

11. THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

Đường lây nhiễm/triệu chứng:
Tuyến đường tiếp xúc
Tiêu hóaTiếp xúc với daTiếp xúc với mắtHít phải.
Triệu chứng
Kích ứng, buồn nôn, nôn, đau đầu, buồn ngủ và chóng mặt.

Độc tính cấp tính
Không có thành phần nào trong sản phẩm này được phân loại là nguy hiểm và/hoặc không có thành phần nguy hiểm nào vượt quá tỷ lệ phần trăm theo tiêu chuẩn GHS.
Độc tính mãn tính hoặc độc tính lâu dài:
Không có độc tính lâu dài nào được biết đến.

12. THÔNG TIN SINH THÁI

Độc tính sinh thái
Không có thông tin bổ sung nào được cung cấp cho sản phẩm này. Xem Phần 3 để biết dữ liệu cụ thể về hóa chất.
Không có thành phần nào trong sản phẩm này được phân loại là nguy hiểm và/hoặc không có thành phần nguy hiểm nào vượt quá tỷ lệ phần trăm theo tiêu chuẩn GHS.
Sự tồn tại và suy thoái:
Không có dữ liệu nào về chế phẩm này.

Sự tích tụ của sinh vật: Không có thông tin có sẵn
Di chuyển qua đất, Koc: Không có thông tin có sẵn
Kết quả đánh giá PBT và vPvB:  Sản phẩm này không chứa hóa chất PBT/vPvB.
Những tác động tiêu cực khác: Không có thông tin có sẵn

13. BIỆN PHÁP XỬ LÝ CHẤT THẢI

Phương pháp xử lý chất thải:  Tuân thủ mọi quy định của liên bang, tiểu bang và địa phương khi thải bỏ chất này.
--

14. THÔNG TIN VẬN TẢI

	DOT (Nội địa Bề mặt Vận tải)	IMO / IMDG  (Vận tải biển)	ICAO/IATA
Số Liên Hợp Quốc (UN No)	Không được quy định	Không được quy định	Không được quy định
Tên vận chuyển riêng của Liên Hợp Quốc		Không được quy định	Không được quy định
Phân loại nguy cơ vận chuyển	Nguy hiểm DOT  Lớp: Không áp dụng	IMDG: Không áp dụng  Lớp con: Không Áp dụng	Hạng máy bay: Không  Áp dụng
Nhóm đóng gói	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Hướng dẫn ERG số	----		
Chất gây ô nhiễm đại dương (Có/Không) Không			
Các biện pháp vận chuyển cụ thể và các điều kiện phòng ngừa:	Không có thông tin có sẵn		

15. THÔNG TIN QUY ĐỊNH

Quy định áp dụng:  Quy định của Đạo luật An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp về Thiết bị và Biện pháp An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp. Đạo luật Kiểm soát Chất hóa học Độc hại và Đáng lo ngại  Tiêu chuẩn về giới hạn phơi nhiễm cho phép tại công trường  Quy định về dán nhãn và truyền đạt thông tin nguy hiểm về hóa chất nguy hiểm  Quy định về việc chỉ định và xử lý hóa chất quản lý ưu tiên  Tiêu chuẩn về phương pháp và cơ sở vật chất cho việc lưu trữ, xử lý và thải bỏ chất thải công nghiệp  Quy định quản lý vận chuyển chất độc hại và hóa chất liên quan:  Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.
--

Đài Loan - Hóa chất quản lý ưu tiên - Chất gây ung thư, gây đột biến và độc hại đối với sinh sản (CMR):

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Đài Loan - Hóa chất quản lý ưu tiên - Các chất có nguy cơ gây hại cho sức khỏe và vật lý:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Dung môi hữu cơ, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Các chất hóa học được chỉ định, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Các chất quản lý được chỉ định, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Giám sát công trường đối với dung môi hữu cơ, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Giám sát công trường đối với chất hóa học được chỉ định, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

Hồ sơ giám sát được lưu giữ trong 30 năm, OSHA Đài Loan:

Theo hiểu biết của chúng tôi, không có hóa chất nào ở mức độ cần phải báo cáo theo luật này.

16. THÔNG TIN KHÁC

Thẩm quyền giải quyết	1. Cục An toàn và Sức khỏe Nghề nghiệp, Trang web Hệ thống Điều hòa Toàn cầu về Hóa chất GHS ( <a href="http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx">http://ghs.osha.gov.tw/CHT/masterpage/index_CHT.aspx</a> ) 2. Cục Bảo vệ Môi trường thuộc Cục Hóa chất Độc hại thuộc Viện Hành chính ( <a href="https://flora2.epa.gov.tw/ToxicC/Query/database.aspx">https://flora2.epa.gov.tw/ToxicC/Query/database.aspx</a> ) 3. Trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu. ( <a href="http://echa.europa.eu/">http://echa.europa.eu/</a> )
Được chuẩn bị bởi	Giám sát chức danh Họ và tên (Chữ ký) WANG SHOW LIAN
Ngày phát hành	2024-01-02

Nhận xét	Thông tin và khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên dữ liệu được cho là chính xác. Tuy nhiên, chúng tôi không đưa ra bất kỳ bảo đảm hay cam kết nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, liên quan đến thông tin trong tài liệu này. Chúng tôi không chịu trách nhiệm và từ chối mọi trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ tác hại nào có thể xảy ra do tiếp xúc với sản phẩm của chúng tôi.  Khách hàng/người sử dụng sản phẩm này phải tuân thủ mọi luật, quy định và lệnh hiện hành về sức khỏe và an toàn. Không áp dụng
----------	--

Kết thúc tài liệu